

Kinh nghiệm tu tập của Đức Phật qua Kinh Thánh cầu

Chúng ta nhận thấy tiến trình tu tập của đức Phật từ khi đang còn là Bồ-tát cho đến khi chứng Vô Thượng Bồ đề, Ngài luôn luôn tự thân nỗ lực, không nương tựa vào bất cứ ai, mà chỉ nhờ vào lòng tin, tinh tấn, niệm, định, tuệ của mình.

Sự kiện ra đời của đức Phật để đem lại an lạc cho con người và cuộc đời, đã được Ngài đề cập trong nhiều kinh: *"Ta ra đời vì an lạc, vì hạnh phúc, vì lợi ích cho chư thiên và loài người, vì lòng thương tưởng cho đời"*. Với lý tưởng đó, Ngài đã trải qua bao nhiêu thử thách, gian lao, bằng những kinh nghiệm của tự thân để cuối cùng tìm được con đường đi ra khỏi khổ đau. Ở đây chúng ta muốn giới thiệu kinh nghiệm tu học của đức Phật được ghi lại trong kinh Thánh Cầu (số 26, Trung Bộ I).

Ở đời cái gì cũng vậy, không phải ngẫu nhiên có được, mà đòi hỏi mỗi con người chúng ta phải tự nỗ lực, tự tầm cầu, tự suy tư để tìm đến con đường giải thoát cho tự thân và tha nhân. Đức Phật cũng vậy, qua sự tu tập và kinh nghiệm của Ngài khi đang còn là Bồ-Tát cho đến lúc chứng Vô thượng Chánh đẳng giác, nỗi khổ đau kiếp người lúc nào cũng vẫn ám ảnh trong tâm thức, khiến Ngài phải tự tư duy, tìm cầu giải thoát. Những kinh nghiệm đó được Ngài chia ra hai loại, đó là Thánh cầu và phi Thánh cầu .

1. Thế nào là Phi Thánh cầu?

"Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tự mình bị sanh lại tìm cầu cái bị sanh, tự mình bị già lại tìm cầu cái bị già, tự mình bị bệnh... tự mình bị chết... tự mình bị sầu... tự mình bị ô nhiễm lại tìm cầu cái bị ô nhiễm".

"Vợ con, đầy tớ nam, đầy tớ nữ, dê, cừu, gà, voi, heo, trâu, bò, ngựa đực, ngựa cái, vàng và bạc là bị sanh, bị già, bị bệnh, bị chết, bị sầu, bị ô nhiễm. Những chấp thủ ấy là bị sanh, bị già, bị bệnh, bị chết, bị sầu, bị ô nhiễm, và người ấy lại nắm giữ, tham đắm, mê say chúng, tự mình bị sanh, bị già... bị ô nhiễm lại tìm cầu cái bị sanh, bị già... bị ô nhiễm. Này các Tỷ-kheo như vậy gọi là Phi Thánh Cầu".

2. Thế nào là Thánh cầu?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tự mình bị sanh, sau khi biết rõ sự nguy hại của bị sanh, tìm cầu cái vô sanh, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn; tự mình bị già... tìm cầu cái không già... tự mình bị bệnh... tìm cầu cái không bệnh... tự mình bị chết... tìm cầu cái bất tử... tự mình bị ô nhiễm... tìm cầu cái không ô nhiễm, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn. Này các Tỷ-kheo như vậy gọi là Thánh Cầu".

Ngài đã kể lại, khi Ngài đang còn là Bồ-tát, chưa chứng Chánh đẳng giác, đã tự mình đi tìm cầu cái bị sanh, bị già, tự mình bị bệnh... tự mình bị chết... tự mình bị sầu. Những nỗi khổ đau đang ám ảnh trong tâm trí của Ngài và thấy sự nguy hại của chúng, Ngài từ bỏ chúng và đến học đạo với hai vị đạo sư nổi tiếng đương thời là Àlارا Kàlàma và Uddaka Ràmaputta. Khi đến học đạo với Àlارا Kàlàma, được Àlارا Kàlàma tuyên bố về Vô-sở-hữu-xứ. Rồi Ngài suy nghĩ không phải chỉ có Àlارا Kàlàma có lòng tin, có tinh tấn, có niệm, có định, có tuệ, Ta cũng có lòng tin, có tinh tấn, có niệm, có định, có tuệ. Suy nghĩ như vậy, Ngài tự thân nỗ lực và không bao lâu Ngài đã chứng được pháp ấy. Nhưng pháp ấy cuối cùng cũng không hướng đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thượng tri, giác ngộ, Niết-bàn, mà chỉ đưa đến sự chứng đạt Vô-sở-hữu-xứ. Ngài lại từ bỏ pháp ấy, ra đi. Tiếp đến học đạo với Uddaka Ràmaputta, được Uddaka Ràmaputta tuyên bố về Phi tướng phi-phi-tướng-xứ. Rồi Ngài suy

ngẫm không phải chỉ có Uddaka Ràmaputta có lòng tin, có tinh tấn, có niệm, có định, có tuệ, Ta cũng có lòng tin, có tinh tấn, có niệm, có định, có tuệ. Suy nghĩ như vậy, Ngài tự thân nỗ lực và không bao lâu Ngài đã chứng được pháp ấy. Nhưng tự trung, pháp ấy vẫn không hướng đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thượng tri, giác ngộ, Niết-bàn, mà chỉ đưa đến sự chứng đạt Phi tướng phi-phi-tướng-xứ. Do đó Ngài lại từ bỏ pháp ấy, ra đi.

Sau khi từ bỏ hai vị Àlāra Kālāma và Uddaka Ràmaputta, vì hai vị này chưa chứng được thánh quả, rồi Ngài đến Uruvela, lựa một địa điểm khả ái, dễ dàng khát thực và Ngài tham thiền ở đó cho đến khi thành đạo. Ngài tự mình bị sanh, sau khi biết rõ sự nguy hại của bị sanh, tìm cầu cái vô sanh, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn; và chứng được chúng; tự mình bị già... tìm cầu cái không già... tự mình bị bệnh... tìm cầu cái không bệnh... tự mình bị chết... tìm cầu cái bất tử... tự mình bị ô nhiễm... tìm cầu cái không ô nhiễm, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn và đã chứng được cái không ô nhiễm, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn. Rồi tri và kiến khởi lên nơi Ngài: *"Sự giải thoát của Ta không bị giao động. Nay là đời sống cuối cùng của Ta, không còn tái sanh nữa"*.

Sau khi thành đạo, Ngài suy nghĩ: *"Pháp này do Ta chứng được thật là sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, cao thượng, siêu lý luận, vi diệu, chỉ người trí mới hiểu thấu. Còn quần chúng này thì ưa ái dục, khoái ái dục, ham thích ái dục. Đối với quần chúng như vậy thì thật khó mà thấy được định lý Idapacayatà Patikkasamuppāda (Y Tánh Duyên Khởi Pháp); sự kiện này thật khó thấy, tức là sự tịch tịnh chỉ tắt cả hành, sự từ bỏ tắt cả sanh y, ái diệt, y tham, đoạn diệt, Niết-bàn. Nếu ta thuyết pháp mà người khác không hiểu Ta, thời như vậy thật phiền toái cho Ta, như vậy thật bức mình cho ta!"*. Phạm thiên Sahampati biết được tâm tư của đức Thế Tôn, liền hiện đến đảnh cầu Ngài ở lại đời để thuyết pháp. Cuối cùng, Ngài nhận lời của Phạm thiên theo bài kệ:

"Cửa bất tử rộng mở

Cho những ai chịu nghe.

Hãy từ bỏ tín tâm,

Không chính xác của mình

Tự nghĩ đến phiền toái,

Ta đã không muốn giảng

Tôi thượng vi diệu pháp,

Giữa chúng sinh loài người". - (Ôi Phạm thiên)

Từ đó, Ngài vận chuyển bánh xe pháp. Trên con đường hoằng pháp Ngài gặp tà mạng ngoại đạo Upaka, vị này ca ngợi và hỏi Ngài vì mục đích gì mà xuất gia, ai là vị đạo sư và Ngài thọ trì pháp của ai. Để khẳng định mình là bậc thầy của trời người, Ngài nói lên bài kệ với tà mạng ngoại đạo Upaka như sau:

-"Ta, bậc thắng tất cả,

Ta, bậc nhất thiết trí.

Hết thấy pháp không nhiễm,

Hết xả pháp, xả ly.

*Ta sống không giải thoát, *

Đoạn tận mọi khát ái.

Như vậy Ta tự giác,

Còn phải y chỉ ai?

Ta không có Đạo sư,

Bậc như Ta không có,

Giữa thế giới Nhân, Thiên,

Không có ai bằng Ta,

Bậc Ứng cúng trên trời,

Bậc Đạo sư vô thượng.

Tự mình Chánh đẳng giác,

Tự an tịnh thanh thoát.

Để chuyển bánh xe pháp,

Ta đến thành Kàsi.

Giống lên trống bát tử,

Trong thế giới mù loà.

"Như hiền giả tự xưng, hiền giả xứng đáng là bậc chiến thắng vô tận?"

"Như Ta, bậc thắng giả,

Những ai chứng Lộ tận,

Ác pháp, Ta nhiếp phục,

Do vậy, Ta vô địch.

Này Upaka!"

Rồi Ngài đi đến vườn nai để hóa độ cho năm vị Tỷ-kheo trước kia đồng tu khổ hạnh với Ngài và cả năm đều chứng quả A-la-hán. Tiếp theo, Ngài nói bài pháp về năm dục trường dưỡng, sự nguy hại của năm dục trường dưỡng và sự giải thoát năm dục trường dưỡng. Các sắc do mắt nhận thức, sắc này khả ái, khả hỷ, khả lạc, kích thích lòng dục, hấp dẫn. Các tiếng do tai nhận thức... các hương do mũi nhận thức... các vị do lưỡi nhận thức... các xúc do thân cảm xúc, khả ái, khả hỷ, khả lạc, kích thích lòng dục, hấp dẫn. Như vậy gọi là năm dục trường dưỡng. Nếu những sa môn hay Bà-la-môn nào bị trói buộc, bị tham đắm bởi năm dục trường dưỡng này, không thấy sự nguy hại, sự giải thoát của chúng mà thọ dụng của chúng thì những sa môn, bà-la-môn ấy sẽ rơi vào tầm tay của Ác ma. Còn những sa môn hay bà-la-môn nào không bị trói buộc, không bị tham đắm bởi năm dục trường dưỡng này, thấy sự nguy hại, sự giải thoát của chúng mà thọ dụng chúng thì những sa môn, bà-la-môn ấy sẽ không rơi vào tầm tay của Ác ma. Muốn vậy, cần phải chứng được Tứ thiền, Tứ không và Diệt Thọ Tướng Định bằng trí tuệ, các lậu hoặc được đoạn trừ.

Qua đó, chúng ta nhận thấy tiến trình tu tập của đức Phật từ khi đang còn là Bồ-tát cho đến khi chứng Vô Thượng Bồ đề, Ngài luôn luôn tự thân nỗ lực, không nương tựa vào bất cứ ai, mà chỉ nhờ vào lòng tin, tinh tấn, niệm, định, tuệ của mình. Chính ngay cả Àlارا Kàlàma và Uddaka Ràmaputta là

hai vị đạo sư nổi tiếng đương thời, vẫn không làm cho Ngài đạt được trí nguyện giải thoát. Điều đó, Ngài đã từng dạy cho chư Tỷ-kheo: *"Này các Tỷ-kheo, hãy sống tự mình là ngọn đèn cho chính mình (attadipà viharatha), chớ y tựa một ai khác. Lấy Chánh pháp làm ngọn đèn, lấy chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một cái gì khác..."* (Kinh Chuyển luân Thánh vương Sư Tử hống, Trường Bộ II).

Tóm lại, kinh nghiệm tu tập của Ngài được ghi lại trong kinh Thánh cầu đã minh chứng rằng bằng tinh thần vô úy và tự tin vào sức mạnh của chính mình, Ngài đã thắp ngọn đuốc bằng niềm tin Giới, Định, Tuệ bùng sáng trong đêm đầy tăm tối, đem lại con đường đi ra khỏi khổ đau cho nhân loại.